

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 4627/2024/DS-ST

Ngày: 25/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Loan

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Thành Vinh

2. Ông Chu Mạnh Tường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn T, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 571/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6097/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7417/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024.

**Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S1

Trụ sở: số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh Châu L, sinh năm 1999; Chức vụ: Nhân viên; Địa chỉ: số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 04/3/2024). (có yêu cầu vắng mặt)

**Bị đơn:** ông Trần Quốc D năm 1985

Địa chỉ: F Đường A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2024 và lời trình bày của ông Nguyễn Thanh Châu L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 trình bày:

Ngày 09/11/2022 Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S1) ký với ông Trần Quốc D1 **Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân** của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1, hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng, phát hành thẻ mới với hình thức vay tiền qua thẻ Visa Platinum Cashback, số thẻ 436438-0163, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.48%/tháng, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Từ ngày được cấp thẻ tín dụng ông Trần Quốc D1 đã giao dịch với tổng số tiền 100.000.000 đồng, ông Trần Quốc D1 đã thanh toán số tiền 29.500.000 đồng, còn nợ số tiền 113.923.836 đồng, kể từ lần giao dịch sau cùng ngày 05/10/2023 thì ông Trần Quốc D1 ngưng không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng S1 theo thỏa thuận giữa hai bên. Ngày 05/11/2023 Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ với ông Trần Quốc D1 và chuyển dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với ông Trần Quốc D1. Nay Ngân hàng S1 khởi kiện để thu hồi toàn bộ tiền nợ thẻ tín dụng trên.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 yêu cầu ông Trần Quốc D1 thanh toán cho Ngân hàng S1 tiền nợ tính đến ngày 25/9/2024 là **160.013.390 đồng (một trăm sáu mươi triệu không trăm mười ba ngàn ba trăm chín mươi) đồng, (trong đó tiền nợ gốc 113.923.836 đồng, tiền lãi quá hạn 46.089.554 đồng).**

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Về tiền lãi suất kể từ ngày **26/9/2024**, ông Trần Quốc D1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại **Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân** và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Quốc D1 có lời khai: Xác nhận ngày 09/11/2022 giữa ông Trần Quốc D1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 có ký **Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân** như Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 trình bày trên. Nay ông Trần Quốc D1 đồng ý thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền nợ gốc là **113.923.836 đồng**, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông D1 xin được thanh toán dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, thanh toán liên tục hàng tháng cho đến khi hết số tiền nợ trên. Ngoài ra, ông D1 không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn có mặt tại phiên tòa. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Quốc D1 cư trú trên địa bàn thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn ông Trần Quốc D1 có mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

Trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn là ông Trần Quốc D1 thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản mà không yêu cầu cá nhân nào khác phải liên đới trả số tiền trên cùng với bị đơn. Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với chủ thể của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 và bị đơn có mặt và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn, nên HĐXX không xem xét đến trách nhiệm thanh toán tiền vay còn nợ của người nào khác.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Vấn đề này HĐXX thấy rằng: Theo [Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân](#) và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 ngày 09/11/2022 thì bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn, hình thức vay tiền qua thẻ tín dụng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, với hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ và sử dụng thì bị đơn đã không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn theo thỏa thuận giữa hai bên. Tại phiên tòa, bị đơn ông D1 đồng ý thanh toán nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông D1 xin được thanh toán dần mỗi

tháng 5.000.000đồng, thanh toán liên tục hàng tháng cho đến khi hết số tiền nợ trên. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn, căn cứ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 “Nghĩa vụ trả nợ của bên vay” là không thanh toán tiền đúng hạn cho nguyên đơn và nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như trong thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là **160.013.390đồng**, là có cơ sở pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi quá hạn từ ngày 26/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại **Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân** và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 đã ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn. Xét, lãi suất áp dụng giữa các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 là có cơ sở pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu về tiền lãi suất của nguyên đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và hợp pháp.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357; 463; 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

Buộc ông Trần Quốc D1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền **160.013.390đồng (một trăm sáu mươi triệu không trăm mười ba ngàn ba trăm chín mươi) đồng**.

Kể từ ngày 26/9/2024, ông Trần Quốc D1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Quốc D1 phải chịu 8.000.670 (tám triệu sáu trăm bảy đồng).

H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 3.357.060đồng (ba triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn không trăm sáu mươi đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025735 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án ND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Loan**

